

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật

1.1. Giới thiệu chung về dự án/dự toán mua sắm, gói thầu

- Dự toán: Mua sắm nhu yếu phẩm phục vụ phạm nhân 6 tháng đầu năm 2026 tại trại giam An Phước.
- Tên gói thầu: Mua sắm nhu yếu phẩm phục vụ phạm nhân 6 tháng đầu năm 2026 tại trại giam An Phước
- Địa điểm thực hiện: Trại giam An Phước.
- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Chào hàng cạnh tranh.
- Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn một túi hồ sơ.
- Nguồn vốn: Nguồn chi thường xuyên
- Thời gian thực hiện hợp đồng: 06 tháng.

1.2. Yêu cầu về kỹ thuật

Yêu cầu về kỹ thuật bao gồm yêu cầu về kỹ thuật chung và yêu cầu về kỹ thuật chi tiết đối với hàng hóa thuộc phạm vi cung cấp của gói thầu, cụ thể:

STT	Nội dung	ĐVT	Thông số kỹ thuật
A	Bàn chải đánh răng		
1	Hình dạng		Dạng cây, bàn chải không gây hại đến sức khỏe người sử dụng và không ảnh hưởng đến môi trường
2	Cán bàn chải		Nhựa PP, bề mặt sạch, ngoại hình trơn, bóng, không có tạp chất, không có các vết nứt và nổi bong bóng không được lớn hơn 1mm ² . Cán bàn chải không được có bavìa có thể gây tổn thương đến cơ thể con người.

STT	Nội dung	ĐVT	Thông số kĩ thuật
3	Lông bàn chải		Nylon (sợi tổng hợp) hoặc PBT đều, thẳng, khóm lông dày, khoảng cách lông vừa phải, vết xơ lông không được phép hướng về đầu bàn chải, bề mặt lông sạch.
4	Đóng gói		Hàng mới 100%; 01 bàn chải được đóng trong 01 túi bóng kín hoặc vật liệu bao bì khác để đảm bảo chất lượng sản phẩm.
5	Chiều dài	mm	170 - 200
6	Chiều rộng phần cắm lông	mm	12 - 14
7	Chiều cao trung bình của sợi lông	mm	9 - 12
8	Số sợi lông trong một lỗ		22 - 60
9	Số lỗ cắm sợi lông		35 - 45
10	Đường kính lông bàn chải	mm	0,12 - 0,2
Các tiêu chuẩn khác phải đáp ứng theo Tiêu chuẩn TCVN 5816:2009			
B	Kem đánh răng		
1	Ngoại quan		
	Hình dạng bên ngoài		Thế kem đồng nhất, bóng mịn, không vón cục, không tách nước, không có các tạp chất khác.
2	Mùi		Thơm nhẹ, dễ chịu, đặc trưng cho từng loại sản phẩm.
3	Vị		Cay nhẹ, hơi ngọt hoặc hơi mặn, không được có vị lạ.
4	Màu sắc		Đồng đều, đặc trưng cho từng loại sản phẩm.
5	Đóng gói		Sản phẩm đóng gói trọng lượng 150g/tuýp
6	Các chỉ tiêu vệ sinh và an toàn		
6.1	Độ pH của dung dịch 2%		< 10,5
	Hàm lượng kim loại nặng		
	Hàm lượng Chì	ppm	< 20

STT	Nội dung	ĐVT	Thông số kỹ thuật
	Hàm lượng asen	ppm	< 5
	Hàm lượng thủy ngân	ppm	< 1
	Hàm lượng Florua tổng	%	< 0,15
7	Tính ổn định ở điều kiện nhiệt độ 40, 45 deg * C trong 48 giờ		Thế kem phải đồng đều, bóng mịn bóp thành thoi mềm, có 1 overline 6 thoát bọt, không bị khô, không chảy nước, giữ được mùi thơm tự nhiên đặc trưng.
8	Hàm lượng glycerin	%	< 15
9	Hàm lượng cacbonat, tính theo canxi cacbonat	%	> 30
10	Hạn sử dụng		Ít nhất 12 tháng kể từ ngày bàn giao hàng hóa
Các tiêu chuẩn khác phải đáp ứng theo tiêu chuẩn TCVN 5816:2009			
C	Dầu gội		
1	Về cảm quan		
1.1	Mô tả hình dạng		Lỏng sánh, đồng nhất, không tách lớp, phân tầng và kết tủa
1.3	Màu		Theo nhà sản xuất
1.4	Mùi		Dễ chịu, đặc trưng và không có mùi lạ
1.5	Thành phần		Nước, màu, mùi thơm (hương liệu), HEC, CMC, Zarum261, CDE, P7, P47, CAB, Silicon, Sodium, Sorbitol, Sunfate,.... Các phụ gia khác với hàm lượng vừa đủ
2	Thông số kỹ thuật		
2.1	pH dung dịch 1%		4 - 8
2.2	Hàm lượng chất hoạt động bề mặt	% khối lượng	< 10
2.3	Hàm lượng chì	mg/kg	< 2
2.4	Hàm lượng Asen	mg/kg	< 1
2.5	Độ kích ứng da		Không đáng kể
2.6	Vi khuẩn và nấm mốc		

STT	Nội dung	ĐVT	Thông số kĩ thuật
	Vi khuẩn staphylococcus aureus, candida albicans và pseudomonas aeruginosa		Không được phép
	Tổng số nấm mốc sống lại được	số lượng/ gam mẫu	< 100
	Tổng số vi khuẩn hiếu khí sống lại được	số lượng/ gam mẫu	< 1000
	Tổng số Enterobacteria và các vi khuẩn Gram âm khác	số lượng gam/ mẫu	< 10
2.11	Độ phân huỷ sinh học	% khối lượng	> 90
2.12	Quy cách đóng gói	Chai	200ml/chai
2.13	Hạn sử dụng		Ít nhất 12 tháng kể từ ngày bàn giao hàng hóa
2.14	Đáp ứng TCVN 6972-2001 và các Thông tư, quy định liên quan của Bộ Y tế hiện hành.		
D	Xà phòng		
1	Trạng thái		Hỗn hợp đồng nhất ở dạng bột hoặc hạt, tơi xốp, không vón cục
2	Màu		Màu trắng hoặc cho phép điểm các hạt phụ gia xanh nhạt hoặc màu
3	Mùi		Có mùi thơm dễ chịu, đặc trưng theo từng loại sản phẩm, không có mùi hôi, chua của mỡ bị phân huỷ.
4	Đóng gói		Túi đựng: Màng PE Sản phẩm đóng gói trọng lượng 300g/gói
5	Tiêu chuẩn kĩ thuật		
5.1	Hàm lượng chất hoạt động bề mặt	%	> 20
5.2	pH của dung dịch bột giặt 1% trong nước	%	9-11

STT	Nội dung	ĐVT	Thông số kĩ thuật
5.3	Hàm lượng phốt pho (theo P ₂ O ₅)	%	> 5
5.4	Hàm lượng chất không tan trong nước (ở 25 ⁰ C)	%	< 3
5.5	Hàm lượng nước và các chất bay hơi	%	< 12
5.6	Độ phân hủy sinh học	%	> 90
6	Quy cách đóng gói	Túi	300g/túi
7	Hạn sử dụng		Ít nhất 12 tháng kể từ ngày bàn giao hàng hóa
8	Các tiêu chuẩn khác phải đảm bảo theo tiêu chuẩn TCVN 5720:2001 và các văn bản khác của Nhà nước hiện hành		

1.3. Các yêu cầu khác

- Thời gian thực hiện gói thầu: 180 ngày.
- Sản phẩm phải mới 100%, không sử dụng lại, không tân trang.
- Nhà thầu được phép đề xuất hàng hoá có chất lượng tương đương hoặc cao hơn so với yêu cầu trong HSMT.
- Bao bì còn nguyên vẹn, không rách nát, không ẩm mốc, không biến dạng.
- Không được giao hàng cận date; hạn sử dụng tối thiểu ≥ 8 tháng kể từ ngày giao.
- Sản phẩm giao trong từng đợt phải đồng nhất về màu sắc, hình dạng, chất lượng và thông số kĩ thuật.
- Không giao lẫn các lô sản xuất có khác biệt về thiết kế, bao bì hoặc thành phần nếu không được chủ đầu tư chấp thuận.
- Hàng hóa mỗi lần bàn giao phải kèm theo đầy đủ giấy tờ chứng minh nguồn gốc, xuất xứ và các giấy tờ kiểm định chất lượng, và đạt yêu cầu về an toàn theo quy định của bộ Y tế. Hàng hóa bàn giao phải được bốc xếp gọn gàng vào kho tại các địa điểm nội bộ theo yêu cầu của chủ đầu tư.
- Nhà thầu cam kết sẵn sàng đổi hàng không đáp ứng chất lượng trong vòng 2 giờ khi chủ đầu tư yêu cầu nếu không thực hiện đúng theo cam kết nhà thầu phải bồi thường trên thiệt hại thực tế và phạt vi phạm hợp đồng.

- Nhà thầu phải có các phương án xử lý nếu xảy ra sự cố. Có cam kết chịu trách nhiệm và bồi thường thiệt hại đối với phần sự cố mà nguyên nhân do lỗi của nhà thầu.

- Nhà thầu phải lập bảng so sánh tính đáp ứng thông số kỹ thuật giữa hàng hoá chào thầu và thông số kỹ thuật yêu cầu của E-HSMT.

- Nếu có nghi ngờ về chất lượng hàng hoá khi giao hàng nhà thầu cam kết chi trả tất cả các chi phí phát sinh khi chủ đầu tư lấy mẫu và kiểm tra.

Mục 2. Bản vẽ: Không yêu cầu

Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm

- Bất kỳ hàng hóa nào qua kiểm tra, thử nghiệm, kiểm nghiệm mà không phù hợp với đặc tính kỹ thuật theo hợp đồng thì theo thứ tự ưu tiên; một là Chủ đầu tư có quyền từ chối và hủy hợp đồng; hai là cho phép nhà thầu thay thế bằng hàng hóa khác để đáp ứng đúng các yêu cầu về đặc tính kỹ thuật; ba là Chủ đầu tư có quyền mua tại đơn vị cung cấp khác đáp ứng đúng các yêu cầu về đặc tính kỹ thuật có thể giá cao hơn, mọi chi phí phát sinh bên nhà thầu chịu.